

Số: - KH/HU

KẾ HOẠCH

Triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030

Thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy Đắk Nông về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030, Ban thường vụ Huyện ủy ban hành Kế hoạch triển khai thực hiện trên địa bàn huyện như sau:

I. MỤC ĐÍCH, YÊU CẦU

1. Phổ biến, quán triệt sâu rộng một cách có hiệu quả, quan điểm, mục tiêu Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy để nâng cao nhận thức đầy đủ của các cấp ủy đảng, chính quyền, doanh nghiệp và người dân trong tỉnh về bản chất và các nội dung cốt lõi của chuyển đổi số; Tăng cường sự lãnh đạo của các cấp ủy, tổ chức đảng, điều hành quyết liệt của chính quyền, sự vào cuộc của cả hệ thống chính trị và sự đồng thuận của các tổ chức, doanh nghiệp, cán bộ, nhân dân trên địa bàn huyện trong việc thực hiện các giải pháp, nhiệm vụ cụ thể chuyển đổi số.

2. Thực hiện quyết liệt, đồng bộ các nhiệm vụ, giải pháp, sử dụng hiệu quả các nguồn lực của địa phương để thực hiện từ bằng đến cao hơn các mục tiêu của Nghị quyết số 09-NQ/TU đã đề ra. Trong quá trình tổ chức thực hiện, các cấp, các ngành phải chú trọng công tác phối hợp, chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, sơ kết, tổng kết và rút kinh nghiệm nhằm đạt kết quả cao nhất.

II. MỤC TIÊU CƠ BẢN

1. Đến năm 2025

- 50% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.

- 80% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 60% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).

- 100% chế độ báo cáo, chỉ tiêu tổng hợp báo cáo định kỳ và báo cáo thống kê về kinh tế - xã hội phục vụ sự chỉ đạo, điều hành của UBND huyện; 100% cơ sở dữ liệu dùng chung được kết nối, tích hợp trên phần mềm báo cáo kinh tế - xã hội của tỉnh.

- Hạ tầng mạng băng rộng cáp quang phủ trên 80% hộ gia đình, 100% xã, thị trấn

- Phổ cập dịch vụ mạng di động 4G/5G và điện thoại di động thông minh.

- Phấn đấu tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử trên 50%.

2. Mục tiêu đến năm 2030

- 70% dịch vụ công trực tuyến mức độ 4 được cung cấp trên nhiều phương tiện truy cập khác nhau, bao gồm cả thiết bị di động.
- 90% hồ sơ công việc tại cấp huyện và 70% hồ sơ công việc tại cấp xã được xử lý trên môi trường mạng (trừ hồ sơ công việc thuộc phạm vi bí mật nhà nước).
- Tỷ lệ dân số có tài khoản thanh toán điện tử 80%
- Phổ cập dịch vụ mạng di động 5G.

III. NHIỆM VỤ VÀ GIẢI PHÁP

1. Nhiệm vụ, giải pháp tạo nền móng chuyển đổi số

1.1. Chuyển đổi, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số

- Cấp ủy, chính quyền các cấp tăng cường công tác lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU của Tỉnh ủy, các chỉ thị, nghị quyết của Trung ương về phát triển Chính phủ điện tử, Chính quyền điện tử, chuyển đổi số, nhất là: Nghị quyết số 17/NQ-CP ngày 07/3/2019 của Chính phủ về một số nhiệm vụ, giải pháp trọng tâm phát triển chính phủ điện tử giai đoạn 2019 - 2020, định hướng đến 2025; Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27/9/2019 của Bộ Chính trị về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư; Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03/6/2020 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và ban hành Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2030.

- Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt nâng cao nhận thức bằng các hình thức:

+ Phối hợp tổ chức hội nghị, hội thảo, tọa đàm về chuyển đổi số nhằm trao đổi kinh nghiệm, nâng cao nhận thức về chuyển đổi số.

+ Xây dựng các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kế hoạch và kết quả thực hiện chuyển đổi số trên báo chí và phương tiện truyền thông đại chúng, phát huy vai trò của chuyển đổi số trong truyền thanh cơ sở nhất là đối với những vùng sâu, vùng xa, vùng có nhiều đồng bào dân tộc thiểu số sinh sống trên địa bàn huyện.

+ Tuyên truyền, phổ cập các kỹ năng số cơ bản cho người dân bao gồm các kỹ năng cơ bản như truy cập và sử dụng Internet, thư điện tử, mua bán trực tuyến, thanh toán điện tử, dịch vụ công trực tuyến và bảo đảm an toàn thông tin cá nhân theo quy định pháp luật.

- Người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp chịu trách nhiệm trực tiếp về chuyển đổi số trong cơ quan, đơn vị, tổ chức, lĩnh vực, địa bàn phụ trách; tiên phong, đi đầu trong việc chuyển đổi số để nâng cao năng lực lãnh đạo, chỉ đạo, điều hành của địa phương, đơn vị; gắn các mục tiêu, nhiệm vụ về chuyển đổi số với chiến lược, mục tiêu, nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh của các cấp, các ngành; lấy việc triển khai thực hiện Nghị quyết là một trong những tiêu chí đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền các cấp và các ban, ngành, cơ quan, đơn vị.

- Lựa chọn một đơn vị (xã hoặc thị trấn) để triển khai thí điểm một số dịch vụ chuyển đổi số, tăng cường sự tham gia của người dân và doanh nghiệp cùng tham gia, góp ý, giám sát và sử dụng các dịch vụ, tiện ích do chuyển đổi số mang lại.

1.2. Xây dựng cơ chế, chính sách

- Tổ chức triển khai hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, chương trình chuyển đổi số Quốc gia và các cơ chế, chính sách của Trung ương về chuyển đổi số phù hợp với thực tế của huyện.

- Rà soát, đề xuất sửa đổi, bổ sung hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về công nghệ thông tin và truyền thông, doanh nghiệp, khởi nghiệp sáng tạo, sở hữu trí tuệ, thương mại, đầu tư, kinh doanh... để tạo điều kiện thuận lợi cho quá trình chuyển đổi số quốc gia và phát triển các sản phẩm, dịch vụ, mô hình kinh doanh mới dựa trên công nghệ số, Internet và không gian mạng; tạo môi trường, điều kiện thuận lợi thúc đẩy hoạt động khởi nghiệp, đổi mới sáng tạo; tích cực thu hút các doanh nghiệp số đầu tư vào địa phương.

- Xây dựng đề án, kế hoạch tập trung đào tạo, bồi dưỡng, thu hút nguồn nhân lực công nghệ thông tin (CNTT) theo hướng nâng cao số lượng và chất lượng đội ngũ cán bộ công nghệ thông tin trên địa bàn huyện, nhằm sẵn sàng tham gia vào quá trình chuyển đổi số của tỉnh và của huyện; nâng cao kỹ năng, vai trò trách nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức trong việc chuyển đổi số.

1.3. Phát triển hạ tầng số, nền tảng số

a) Phát triển hạ tầng số:

- Tiếp tục triển khai có hiệu quả các giải pháp hợp trực tuyến, hợp không văn bản giấy, triển khai ký số,... nhằm nâng cao chỉ số cải cách hành chính, chỉ số sẵn sàng ứng dụng công nghệ thông tin, nâng cao hiệu quả quản trị hành chính công của huyện;

- Định hướng, hỗ trợ xây dựng, phát triển hạ tầng băng rộng chất lượng cao trên địa bàn huyện, trong đó tập trung phát triển hạ tầng viễn thông, sóng di động, cáp quang đến 100% các xã, các thôn trên địa bàn huyện.

- Phát triển hạ tầng mạng di động 5G; nâng cấp mạng di động 4G; triển khai các giải pháp để phổ cập điện thoại di động thông minh trên địa bàn huyện. Ưu tiên triển khai tại cơ quan nhà nước, trường học, bệnh viện, bảo đảm sự kết nối, liên thông trong toàn huyện với tỉnh.

- Chuyển đổi mạng Internet của huyện sang ứng dụng địa chỉ giao thức Internet thế hệ mới (IPv6) đối với toàn bộ mạng diện rộng và hệ thống thông tin của địa phương đến cuối năm 2025; tiếp tục mở rộng mạng truyền số liệu chuyên dùng đến cấp xã một cách đồng bộ phục vụ cho Chương trình Chuyển đổi số.

- Phát triển hạ tầng kết nối mạng Internet vạn vật (IoT), ưu tiên hình thức thuê dịch vụ của các doanh nghiệp cung cấp uy tín, bảo đảm chất lượng và an toàn thông tin. Xây dựng lộ trình và triển khai tích hợp cảm biến và ứng dụng công nghệ số vào các hạ tầng thiết yếu như giao thông, năng lượng, điện, nước, ... để chuyển đổi thành một bộ phận cấu thành quan trọng của hạ tầng số.

b) Xây dựng nền tảng số

Dựa trên nền tảng số của tỉnh xây dựng, tiếp tục triển khai mở rộng, hoàn thiện các nền tảng từ tỉnh: Nền tảng trao đổi định danh và xác thực điện tử quốc gia, Nền tảng phát triển kỹ năng số quốc gia; triển khai song song khung Kiến trúc Chính quyền điện tử và phát triển đô thị thông minh (ICT).

1.4. Phát triển dữ liệu

- Đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện các cơ sở dữ liệu (CSDL) dùng chung, CSDL chuyên ngành tích hợp và chia sẻ dữ liệu qua Trục nền tảng liên thông, chia sẻ, tích hợp dữ liệu cấp tỉnh (LGSP) bảo đảm tuân thủ Kiến trúc Chính quyền điện tử tỉnh Đắk Nông, bảo đảm kết nối và chia sẻ dữ liệu số của cơ quan nhà nước. Đồng thời, nâng cao năng lực quản lý dữ liệu, cơ sở dữ liệu, quản trị dữ liệu trong cơ quan nhà nước trên địa bàn huyện.

- Triển khai phát triển các nền tảng số có khả năng triển khai dùng chung rộng khắp trong một số lĩnh vực như: Thương mại điện tử, nông nghiệp, du lịch, y tế, giáo dục, giao thông, xây dựng, tài nguyên và môi trường, học trực tuyến, dịch vụ kế toán, tài chính doanh nghiệp,...theo Danh mục nền tảng phục vụ chuyển đổi số do UBND tỉnh ban hành.

1.5. Bảo đảm an toàn, an ninh thông tin mạng

- Bảo đảm an toàn thông tin mạng trên cơ sở duy trì, phát huy vai trò và nâng cao chuyên môn nghiệp vụ cho cán bộ chuyên trách công nghệ thông tin tại cơ quan Đảng, Nhà nước của huyện; bồi dưỡng kỹ năng tiếp cận, sử dụng thiết bị, hệ thống thông tin cho cán bộ, công chức, viên chức.

- Phối hợp triển khai hoàn thiện mô hình bảo đảm an toàn thông tin mạng 4 lớp, tham gia các chiến dịch đảm bảo an toàn thông tin mạng do Bộ Thông tin và Truyền thông và Sở Thông tin và Truyền thông phát động.

- Chủ động phối hợp triển khai hệ thống xác định, phát hiện thông tin vi phạm pháp luật trên không gian mạng và kịp thời xử lý.

- Dành kinh phí đầu tư trang thiết bị, phương tiện khoa học kỹ thuật để chủ động phòng ngừa, ứng phó với các nguy cơ, tác động tiêu cực của quá trình chuyển đổi số; bảo đảm an toàn, an ninh mạng, bảo vệ dữ liệu cá nhân trong chuyển đổi số, góp phần thúc đẩy hoạt động trên môi trường số, phát triển hệ thống nền tảng, hạ tầng, mạng lưới gắn với bảo đảm an toàn, an ninh mạng.

1.6. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực phục vụ chuyển đổi số

- Đào tạo, bồi dưỡng và phát triển đội ngũ cán bộ, công chức chuyên trách CNTT ở địa phương để bảo đảm là lực lượng nòng cốt tham mưu công tác quản lý và trực tiếp vận hành các hệ thống thông tin, thực hiện chuyển đổi số trên địa bàn huyện. Ưu tiên tuyển dụng, bố trí cán bộ công chức có trình độ công nghệ thông tin vào các vị trí phù hợp với nhiệm vụ tham mưu, đề xuất đối với nhiệm vụ này.

- Tạo điều kiện cho lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, đơn vị, địa phương tham gia các chương trình đào tạo kỹ năng về chuyển đổi số, phát triển chính quyền số theo định hướng của các cơ quan Trung ương.

1.7. Bảo đảm kinh phí thực hiện

- Huy động các nguồn lực thực hiện tại địa phương, lồng ghép nguồn lực từ các chương trình, đề án có liên quan; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác. Huy động nguồn lực từ khu vực tư nhân thông qua các chính sách khuyến khích, thu hút doanh nghiệp công nghệ số đầu tư phát triển vào chuyển đổi số.

- Ưu tiên lồng ghép, bố trí ngân sách và các nguồn lực khác theo đúng quy định để thực hiện thành công các nhiệm vụ chuyển đổi số theo chính sách, định hướng, kế hoạch của huyện.

2. Xây dựng chính quyền số

2.1. Nâng cao hiệu quả, trách nhiệm của các cơ quan, đơn vị, địa phương

- Xây dựng kế hoạch phát triển chính quyền số. Các cơ quan, đơn vị, địa phương áp dụng các nền tảng phục vụ chuyển đổi số quy mô quốc gia được triển khai từ Trung ương đến địa phương và chủ động đề xuất giải pháp, ứng dụng chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực thuộc phạm vi quản lý của mình.

- Khai thác, sử dụng có hiệu quả các phần mềm ứng dụng và CSDL tại các cơ quan, đơn vị, địa phương; thực hiện kết nối chia sẻ thông tin, dữ liệu giữa các hệ thống thông tin, CSDL nội bộ với các hệ thống khác nhằm nâng cao chất lượng giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông, cung cấp dịch vụ công trực tuyến bảo đảm kết nối với Cổng dịch vụ công trực tuyến của tỉnh.

- Chuẩn hóa, điện tử hóa quy trình nghiệp vụ xử lý hồ sơ trên môi trường mạng, biểu mẫu, chế độ báo cáo; tăng cường gửi, nhận văn bản, báo cáo điện tử tích hợp chữ ký số giữa các cơ quan quản lý nhà nước, các tổ chức chính trị - xã hội và các doanh nghiệp; thực hiện số hóa hồ sơ, lưu trữ hồ sơ công việc điện tử của các cơ quan nhà nước theo quy định.

- Tổ chức, khai thác có hiệu quả kho dữ liệu dùng chung của tỉnh, thực hiện tích hợp, kết nối các hệ thống thông tin, CSDL liên quan đến người dân, doanh nghiệp như: dân cư, đất đai, hộ tịch, doanh nghiệp, giáo dục, y tế... với kho dữ liệu dùng chung của tỉnh.

2.2. Phục vụ người dân và doanh nghiệp

- Tiếp tục phát triển, hoàn thiện hệ thống hệ thống thông tin một cửa điện tử của địa phương để cung cấp các dịch vụ công trực tuyến mức độ 4; từng bước thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử.

- Triển khai các ứng dụng nhằm nâng cao sự tương tác giữa chính quyền và người dân như: Hệ thống thông tin tiếp nhận, trả lời phản ánh, kiến nghị của người dân, doanh nghiệp, bảo đảm có một đầu mối theo dõi, giám sát, tích hợp với các hệ thống thông tin của các sở, ngành, địa phương; các kênh mạng xã hội (facebook, zalo,

youtube...).

- Chú trọng đầu tư, nâng cấp các Trang Thông tin điện tử trên địa bàn huyện, cung cấp đầy đủ thông tin về tình hình kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của địa phương kịp thời, đầy đủ, chính xác.

3. Phát triển kinh tế số

- Tạo môi trường thuận lợi cho các doanh nghiệp khởi nghiệp; Triển khai các hoạt động hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ và vừa, doanh nghiệp ngành nghề truyền thống, sản xuất chuyển đổi sang sản xuất, cung cấp dịch vụ trên các nền tảng số; phát triển mạnh mẽ thương mại điện tử.

- Triển khai thực hiện Quyết định số 645/QĐ-TTg ngày 15/5/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Kế hoạch tổng thể phát triển thương mại điện tử quốc gia giai đoạn 2021-2025.

- Tạo điều kiện thuận lợi thúc đẩy các doanh nghiệp trên địa bàn huyện triển khai nền tảng thanh toán trực tuyến, di động phục vụ người dân (*Viettel Pay, VNPT Pay, ...*).

- Tổ chức tổ chức kết nối giữa doanh nghiệp thương mại điện tử với doanh nghiệp sản xuất theo từng ngành hàng để tạo thêm chuỗi liên kết mới. Thúc đẩy việc áp dụng Nền tảng mã địa chỉ bưu chính VPostcode trong hoạt động thương mại điện tử và logistics. Tạo mọi điều kiện thuận lợi cho hộ kinh doanh, doanh nghiệp vừa và nhỏ bồi dưỡng kiến thức và kỹ năng thương mại điện tử, kỹ năng ứng dụng thương mại điện tử nhằm nâng cao năng lực cho đội ngũ thực thi pháp luật về thương mại điện tử.

4. Phát triển xã hội số

- Tham gia Đào tạo kiến thức chuyển đổi số, kỹ năng số dành cho cán bộ lãnh đạo, công chức, viên chức và người lao động các cơ quan, đơn vị Nhà nước từ cấp xã trở lên; Tham gia các lớp đào tạo, tập huấn về chuyển đổi số người đứng đầu các cơ quan, tổ chức, giám đốc điều hành các doanh nghiệp, người lao động tại các doanh nghiệp; Tham gia các chương trình đào tạo ngắn hạn về chuyển đổi số, kỹ năng số cho lực lượng người làm việc trong cơ quan hành chính Nhà nước do cấp trên tổ chức.

- Tiếp nhận Hệ thống đào tạo trực tuyến cho phép kết nối với những người có nhu cầu học tập mọi lúc mọi nơi.

- Tạo điều kiện cho người dân tham dự các chương trình, khóa học đào tạo kỹ năng số và các quy tắc ứng xử trên môi trường số để trang bị kỹ năng cơ bản và thói quen sử dụng dịch vụ số, hình thành văn hóa số trong xã hội.

5. Một số lĩnh vực cần ưu tiên chuyển đổi số

5.1. Lĩnh vực nông nghiệp

- Phát triển nông nghiệp công nghệ cao theo hướng chú trọng nông nghiệp thông minh, thích ứng với biến đổi khí hậu, tăng tỷ trọng của nông nghiệp công nghệ số trong nền kinh tế. Tiếp nhận cơ sở dữ liệu lớn của ngành như: Quản lý bảo vệ rừng, tưới tiêu, cây trồng, ưu tiên xây dựng cơ sở dữ liệu cho các ngành hàng nông sản chủ

lực của huyện.

- Ứng dụng công nghệ số để tự động hóa các quy trình sản xuất, kinh doanh; quản lý, giám sát nguồn gốc, chuỗi cung ứng sản phẩm, bảo đảm nhanh chóng, minh bạch, chính xác, an toàn vệ sinh thực phẩm.

- Thực hiện chuyển đổi số trong công tác quản lý để có các chính sách, điều hành kịp thời phát triển nông nghiệp như dự báo, cảnh báo thị trường, quản lý quy hoạch nông nghiệp. Kết nối chia sẻ đồng bộ thông tin của tất cả các khâu sản xuất, quản lý, logistic, thương mại nông sản, thực hiện thương mại điện tử trong nông nghiệp (tập trung vào các sản phẩm chủ lực của huyện: cà phê, hồ tiêu, điều, mắc ca, bơ, gạo...) nhằm thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng.

5.2. Chuyển đổi số cấp xã gắn với xây dựng nông thôn mới

- Xây dựng kế hoạch chuyển đổi số cấp xã trong đó chú ý đến công tác khảo sát thực trạng hạ tầng, nhân lực, chú trọng đưa vào kế hoạch những điểm đặc trưng, mũi nhọn của địa phương...; lựa chọn ít nhất 01 xã hoặc thị trấn để triển khai các dịch vụ thông minh tại các địa phương như: thanh toán điện tử, quảng bá thương hiệu địa phương, giáo dục thông minh, nông nghiệp thông minh, y tế thông minh, du lịch thông minh...

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong chính quyền cấp xã góp phần nâng cao năng lực, hiệu lực, hiệu quả công tác quản lý, chỉ đạo điều hành.

- Tuyên truyền, hướng dẫn cho người dân, hộ kinh doanh, doanh nghiệp được tiếp cận và sử dụng các ứng dụng, dịch vụ tiện ích, thuận lợi nhất nhằm nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho người dân, góp phần nâng cao chất lượng xây dựng nông thôn mới đi vào chiều sâu và bền vững, hướng tới xây dựng nông thôn mới kiểu mẫu, nông thôn mới thông minh.

5.3. Lĩnh vực y tế

- Triển khai nền tảng hỗ trợ khám, chữa bệnh từ xa để hỗ trợ người dân được khám chữa bệnh từ xa, giúp giảm tải các cơ sở y tế, hạn chế tiếp xúc đông người, giảm nguy cơ lây nhiễm chéo.

- Từng bước hình thành hệ thống chăm sóc sức khỏe và phòng bệnh dựa trên công nghệ số; ứng dụng công nghệ thông tin tại các cơ sở khám chữa bệnh góp phần cải cách hành chính, giảm tải bệnh viện, sử dụng hồ sơ bệnh án điện tử thay cho bệnh án giấy, thanh toán viện phí điện tử. Xây dựng kế hoạch hoàn thành hệ thống bệnh án điện tử cho các cơ sở y tế phù hợp cho tuyến huyện, tuyến xã.

- Cơ sở y tế xây dựng CSDL của mình phục vụ cho việc khám, chữa bệnh và cung cấp dữ liệu cho trung tâm dữ liệu y tế của tỉnh, kết nối với CSDL quốc gia về y tế.

5.4. Lĩnh vực giáo dục

- Nâng cao nhận thức về chuyển đổi số trong giáo dục đến đội ngũ lãnh đạo, giáo viên và học sinh; thường xuyên tập huấn, đào tạo kỹ năng về CNTT cho giáo

viên và cán bộ quản lý giáo dục. Phát triển nền tảng hỗ trợ dạy và học từ xa, ứng dụng triệt để công nghệ số trong công tác quản lý, giảng dạy và học tập; số hóa tài liệu, giáo trình; Kho học dữ liệu trực tuyến, thư viện số; ứng dụng công nghệ số để giao bài tập về nhà.

- 90% các cơ sở giáo dục triển khai công tác dạy và học từ xa.
- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ và các nền tảng số để đổi mới nội dung, phương pháp dạy và học, kết hợp học trên lớp và học trực tuyến, kiểm tra và đánh giá kết quả dạy và học với các nền tảng giáo dục mới.
- Áp dụng các mô hình giáo dục tích hợp khoa học công nghệ theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo; triển khai hệ thống hợp, tập huấn trực tuyến.

5.5. Về lĩnh vực quy hoạch, xây dựng, giao thông vận tải

- Ứng dụng CNTT đối với các nhiệm vụ quản lý hệ thống giao thông, hệ thống kết cấu hạ tầng giao thông, phương tiện vận tải, quản lý người điều khiển phương tiện;
- Triển khai CSDL GIS về logistics, từng bước thiết lập đồng bộ giao dịch số về logistics phục vụ công tác quản lý nhà nước và nhu cầu của doanh nghiệp.
- Phối hợp xây dựng CSDL về cấp phép xây dựng của huyện, hệ thống thông tin địa lý (GIS) quản lý quy hoạch, hạ tầng đô thị trên địa bàn huyện.
- Phối hợp xây dựng CSDL về các bản đồ quy hoạch nhằm cung cấp thông tin quy hoạch cho người dân, doanh nghiệp, nhà đầu tư theo đúng quy định.

5.6. Lĩnh vực tài nguyên – môi trường

- Đầu tư, nâng cấp hạ tầng kỹ thuật CNTT ngành tài nguyên và môi trường, trước mắt là nâng cấp hệ thống mạng LAN và mạng WAN, đảm bảo kết nối thông suốt giữa cấp xã, huyện với đơn vị cấp Sở, ngành.
- Hoàn thành các CSDL theo Quyết định số 2178/QĐ-TTg ngày 21/12/2020 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt Đề án hoàn thiện cơ sở dữ liệu tài nguyên và môi trường kết nối liên thông với các hệ thống thông tin, cơ sở dữ liệu của các bộ, ngành, địa phương. Triển khai các giải pháp thông minh trong quan trắc, giám sát, quản lý, xử lý sự cố môi trường, cảnh báo sớm thiên tai; nghiên cứu, xây dựng kho dữ liệu mở ngành tài nguyên và môi trường.
- Triển khai có hiệu quả hệ thống cơ sở dữ liệu quản lý đất đai, tài nguyên, khoáng sản, bản đồ số, ...triển khai sớm các giải pháp thông minh trong giám sát, quan trắc môi trường, cảnh báo sớm thiên tai
- Khai thác có hiệu quả Cổng thông tin dữ liệu về Tài nguyên – Môi trường, hệ thống kho dữ liệu số về tài nguyên, môi trường.

5.7. Lĩnh vực sản xuất công nghiệp

- Đây là một trong ba trụ cột mà Nghị quyết đại hội Đảng bộ tỉnh, huyện đã xác định gắn liền với phát triển nông nghiệp và du lịch. Khuyến khích, định hướng công

tác phát triển kỹ số cho người lao động, cho các doanh nghiệp trên địa bàn như tạo ra các sản phẩm thông minh, nhà máy thông minh, vận hành thông minh.

- Ưu tiên, tạo điều kiện cho ngành điện lực hướng đến tối đa hóa và tự động hóa các mạng lưới cho việc cung ứng điện một cách hiệu quả. Kết nối các đồng hồ đo điện số để cải thiện tốc độ và sự chính xác của hóa đơn, xác định sự cố về mạng lưới nhanh hơn, hỗ trợ người dùng cách tiết kiệm năng lượng và phát hiện ra các tổn thất, mất mát điện năng, đặc biệt là điện năng lượng mặt trời.

5.8. Về lĩnh vực du lịch

- Phối hợp xây dựng và triển khai hệ thống thông tin quảng bá hình ảnh tỉnh Đắk Nông nói chung và huyện Krông Nô nói riêng, trong đó cung cấp các thông tin về các khu di tích lịch sử, văn hóa, du lịch trọng điểm để giới thiệu sản phẩm trên môi trường mạng.

- Chuyển đổi số cho khách sạn và các cơ sở lưu trú trong việc đặt phòng, quản lý khách sạn. Điện tử hóa, số hóa công tác quản lý liên quan đến du lịch. Triển khai các dịch vụ thanh toán trực tuyến qua ví, thẻ ngân hàng trực tuyến, QR code ... ở các điểm đến du lịch, lưu trú của huyện.

- Từng bước triển khai ứng dụng chuẩn hóa các nội dung số kết hợp với công nghệ 3D, 4D; công nghệ di động, thực tế ảo, di chuyển thông minh; thương mại điện tử, trí tuệ nhân tạo, Sản phẩm du lịch thông minh, khám phá di sản, công viên địa chất bằng các công nghệ 3D, 4D, phù hợp với điều kiện của huyện.

5.9. Lĩnh vực tư pháp

- Chuyển đổi số trong lĩnh vực hộ tịch: Tiếp nhận và triển khai có hiệu quả CSDL hộ tịch điện tử, đẩy mạnh việc số hóa sổ hộ tịch lịch sử theo định hướng của Bộ Tư pháp, giúp người dân thực hiện thủ tục hành chính hoàn toàn trên môi trường điện tử khi có nhu cầu.

- Đảm bảo kết nối thông suốt và khai thác hiệu quả cơ sở dữ liệu về hộ tịch, cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư bảo đảm an toàn pháp lý.

5.10. Lĩnh vực lưu trữ

Đẩy mạnh việc thực hiện số hóa tài liệu lưu trữ của các cơ quan nhà nước theo quy định, trước mắt từng cấp, từng ngành, từng cơ quan triển khai thực hiện có hiệu quả Nghị định 30/2020/NĐ-CP của Chính phủ về công tác văn thư lưu trữ, trong đó chú trọng công tác ký số, phát hành văn bản điện tử, hồ sơ điện tử. Xây dựng và hoàn thiện Hệ thống quản lý tài liệu lưu trữ điện tử tại lưu trữ cơ quan đáp ứng các yêu cầu của pháp luật và bảo đảm giải pháp tích hợp, kết nối liên thông để trích xuất, nộp lưu tài liệu có thời hạn bảo quản vĩnh viễn vào Lưu trữ lịch sử thuộc nguồn nộp lưu.

5.11. Lĩnh vực Tài chính - Ngân hàng

- Phát triển hoặc tiếp nhận, quản lý và vận hành các hệ thống thông tin, CSDL cốt lõi trong các lĩnh vực quản lý nhà nước về tài chính như: tài chính, thuế, ngân sách, kho bạc, ... Cơ bản thiết lập nền tảng tài chính số công khai, minh bạch đáp ứng

toàn diện nhu cầu giao dịch tài chính công, nhu cầu khai thác sử dụng thông tin số của chính quyền, người dân, doanh nghiệp và các tổ chức.

- Định hướng các ngân hàng thực hiện xây dựng, thực thi chuyển đổi số bằng đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới, chuyển đổi mô hình kinh doanh theo hướng tinh gọn, linh hoạt, cung ứng dịch vụ theo hướng lấy khách hàng làm trọng tâm.

- Kết nối, khai thác, chia sẻ dữ liệu với CSDL quốc gia dân cư, CSDL doanh nghiệp, các ngành, lĩnh vực trên địa bàn huyện để khai thác, tổng hợp dữ liệu phục vụ xác minh thông tin, phân loại, đánh giá khách hàng.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Các cấp ủy Đảng, Mặt trận Tổ quốc Việt Nam huyện, ban ngành, đoàn thể huyện lãnh đạo, chỉ đạo quán triệt Kế hoạch đến cán bộ cán bộ, đảng viên, nhân dân; căn cứ chức năng, nhiệm vụ để cụ thể hóa thành chương trình, nghị quyết, kế hoạch để lãnh đạo và tổ chức thực hiện bảo đảm hiệu quả, cụ thể, thiết thực, phù hợp với đặc điểm tình hình của địa phương, đơn vị; phát huy vai trò giám sát và phản biện xã hội, tuyên truyền nhân dân tích cực xây dựng phong trào chuyển đổi số, nâng cao nhận thức kỹ năng số.

2. Giao Ủy ban nhân dân huyện cụ thể hóa thành kế hoạch thực hiện và báo cáo kết quả thực hiện theo định kỳ gắn với việc xây dựng Chính quyền điện tử; xây dựng khung kiến trúc Chính quyền số, Đô thị thông minh do UBND tỉnh ban hành.

3. Ban Tuyên giáo Huyện ủy chủ trì, phối hợp các cơ quan liên quan định hướng việc tổ chức tuyên truyền, quán triệt nội dung Chương trình này đến toàn thể cán bộ, đảng viên, doanh nghiệp và các tầng lớp nhân dân.

Trên đây là Kế hoạch của Ban Thường vụ Huyện ủy triển khai thực hiện Nghị quyết số 09-NQ/TU ngày 01/11/2021 của Tỉnh ủy về Chuyển đổi số tỉnh Đắk Nông đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn huyện Krông Nô. Yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị nghiêm túc triển khai thực hiện./.

Nơi nhận:

- Thường trực Tỉnh ủy (b/c),
- Các đồng chí TUV phụ trách địa bàn,
- Các đồng chí Huyện ủy viên,
- Các ban đảng, Văn phòng Huyện ủy,
- HĐND&UBND huyện,
- MTTQ và các đoàn thể huyện,
- Các tổ chức cơ sở đảng,
- Lưu: VT.

T/M BAN THƯỜNG VỤ
BÍ THƯ

